

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ÂN THI
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 17/2022/HS-ST
Ngày 21 tháng 7 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Thuỷ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Đức Ngọc**

Ông **Nguyễn Văn Thuận**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Anh** - Thư ký Tòa án huyện Ân Thi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên tòa:*

Ông **Vũ Đức Sam** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2022/TLST-HS ngày 27/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HS ngày 21/6/2022, đối với:

- *Bị cáo:* **Đinh Phương A** sinh năm 1998 (*có mặt*)

Nơi sinh: xã L, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

HKTT, nơi ở: thôn T, xã L, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ học vấn: 6/12

Họ tên cha: Không xác định được

Họ tên mẹ: Phạm Thị S sinh năm 1982

Nghề nghiệp: Trồng trọt

Gia đình bị cáo có 3 anh em, bị cáo là con lớn

Vợ: Chưa có

Con: Nguyễn Đình Ánh T, sinh năm 2018

Tiền án: Bản án số 51/2016/HSST ngày 02/02/2016 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt theo Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 385/GCN ngày 15/8/2017 của Trại giam Suối Hai.

Tiền sự: Không

Nhân thân:

Bản án số 35/2018/HSST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (Đã chấp hành xong).

Bản án số 73/2022/HSST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 54 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Hiện đang chấp hành án).

Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Nguyên, Bộ Công an; Địa chỉ: xã Lai Xuân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Theo Quyết định thi hành án phạt tù số 97/2022/QĐ - CA ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị hại:* Chị **Nguyễn Thị Thanh G** sinh ngày 28/8/2002 (*vắng mặt*)

Trú tại: Thôn V, xã T, huyện H, thành phố Hà Nội.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Phạm Thị S SN 1982 (*có mặt*)

Trú tại: thôn N, Đ, Ân Thi, Hưng Yên

2. Bà Nguyễn Thị L SN 1981 (*vắng mặt*)

3. Ông Nguyễn Huy E SN 1977 (*vắng mặt*)

Trú tại: M, Q, Ân Thi, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/7/2021, Đinh Phương A có hành vi Mua bán trái phép chất ma túy và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh bắt quả tang và khởi tố điều tra. Quá trình điều tra, xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh phát hiện Đinh Phương A có dấu hiệu giao cấu với người chưa đủ 16 tuổi xảy ra tại địa bàn huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, nên đã chuyển nội dung vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng tháng 8/2017, Đinh Phương A quen biết với chị Nguyễn Thị Thanh G và chỉ biết chị G sinh năm 2002. Sau đó A và chị G đã nảy sinh quan hệ tình cảm, nên tháng 12/2017 A đưa chị G về nhà ở tại thôn A Trì, xã L, huyện Ân Thi chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Ngay buổi tối đầu tiên chung sống với nhau vào khoảng tháng 12/2017, A và chị G đã quan hệ tình dục với nhau tại phòng ngủ của A, sau đó cứ cách khoảng 02 - 03 ngày thì A và chị G lại quan hệ tình dục với nhau một lần. Các lần quan hệ tình dục chị G đều tự nguyện và đều được thực hiện trên chiếc giường đặt tại phòng ngủ của A. Khi quan hệ tình dục cả hai đều không sử dụng biện pháp phòng tránh thai, tất cả các lần quan hệ tình dục A đều xuất tinh vào âm đạo của chị G. Đến tháng 01/2018, chị G phát hiện mình mang thai nên chị G và A không quan hệ tình dục với nhau nữa. Đến ngày 15/8/2018, chị G sinh con là một bé gái tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Hưng Yên và đặt tên là Nguyễn Đình Ánh T. Sau khi chị G sinh con thì chị G vẫn tiếp tục sinh sống tại nhà của A cùng với mẹ đẻ của A là bà Phạm Thị S ở thôn A Trì, xã L, huyện Ân Thi và các em của A. Còn A trong quá trình này bị kết án về tội Trộm cắp tài sản và phải chấp hành hình phạt

tù tại Trại giam Thanh Phong- Bộ Công an theo Quyết định thi hành án số 72 ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Đến tháng 4/2019, chị G đã để lại cháu T cho bà S nuôi dưỡng, chăm sóc và đi làm, đến ngày 07/01/2021 thì chị G đã đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Duy Khải sinh năm 1996 ở thôn V, xã T, huyện H, thành phố Hà Nội và chuyển hộ khẩu đến sinh sống cùng anh Khải.

Ngày 23/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi tiến hành quản lý của Đinh Phương A: 05 sợi tóc có chân tóc và niêm phong tại bì thư ký hiệu (I); 05 que tăm bông có một đầu bông đều chứa niêm mạc miệng thu trong khoang miệng của Đinh Phương A và niêm phong trong bì thư ký hiệu (II); Ngày 29/11/2021, quản lý của chị Nguyễn Thị Thanh G: 05 sợi tóc có chân tóc và niêm phong tại bì thư ký hiệu (HI); 05 que tăm bông có một đầu bông đều chứa niêm mạc miệng thu trong khoang miệng của chị Nguyễn Thị Thanh G và niêm phong trong bì thư ký hiệu (HII) và đến ngày 13/12/2021, quản lý của cháu Nguyễn Đình Ánh T: 05 sợi tóc có chân tóc và niêm phong tại bì thư ký hiệu (T1); 05 que tăm bông có một đầu bông đều chứa niêm mạc miệng thu trong khoang miệng của cháu Nguyễn Đình Ánh T và niêm phong trong bì thư ký hiệu (T2). Ngày 16/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi đã Quyết định trưng cầu giám định số 03, trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định xác định kiểu GEN, mối quan hệ huyết thống giữa Đinh Phương A, chị Nguyễn Thị Thanh G, cháu Nguyễn Đình Ánh T.

Kết luận giám định số 9112/C09 - TT3 ngày 06/01/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định các mẫu thu giữ niêm phong ký hiệu (I), (II), (HI), (HII), (T1), (T2) để xác định mối quan hệ huyết thống giữa Đinh Phương A, chị Nguyễn Thị Thanh G, cháu Nguyễn Đình Ánh T, kết luận: Nguyễn Đình Ánh T là con đẻ của Nguyễn Thị Thanh G và Đinh Phương A.

Quá trình điều tra, bị cáo Đinh Phương A đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận của bị cáo phù hợp khách quan với kết luận giám định, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị Thanh G không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm hình sự cũng như trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Đối với cháu Nguyễn Đình Ánh T hiện đang sinh sống cùng với bà Phạm Thị S là mẹ đẻ bị cáo A, bà S có quan điểm để bà nuôi cháu T, chị G không có yêu cầu đề nghị gì và bà S cũng không có yêu cầu đề nghị gì về việc cấp dưỡng nuôi cháu T.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSAT ngày 26/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Đinh Phương A về tội Giao cấu với trẻ em theo điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa: Bị cáo A thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đinh Phương A phạm tội Giao cấu với trẻ em
- Về hình phạt: áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đinh Phương A từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 54 tháng tù (tương đương với 04 năm 06 tháng tù) về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án số 73/2022/HSST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm tù. Bị cáo được trừ thời gian đã chấp hành hình phạt của Bản án số 73/2022/HSST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.
- Về án phí Do bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo (theo Giấy chứng nhận hộ nghèo số 60 ngày 07/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã L) nên thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Ân Thi; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại là chị G, người làm chứng là bà L, ông E được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này nên căn cứ vào các Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về việc áp dụng pháp luật trong việc điều tra, truy tố và xét xử: Thời điểm bị cáo phạm tội từ tháng 12/2017 đến tháng 01/2018. Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Do đó căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành bộ luật hình sự 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của bộ luật tố tụng hình sự 101/2015/QH13 sẽ áp dụng Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để điều tra, truy tố và xét xử sẽ đối với bị cáo. Mặt khác: Khi A thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 vẫn có hiệu lực thi hành, đồng thời tại Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định về tội “Giao cấu với trẻ em” không quy định điều khoản về hình phạt bổ sung, trong khi đó Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” có quy định điều khoản về hình phạt bổ sung (khoản 4), như vậy nếu áp dụng Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là bất lợi cho bị cáo. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì sẽ áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với Đinh Phương A.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Do có quan hệ tình cảm yêu đương với nhau nên trong khoảng thời gian bắt đầu từ tháng 12/2017 đến tháng 01/2018, tại phòng ngủ trong nhà A ở thôn T, xã L, huyện Ân Thi, Đinh Phương A đã nhiều lần có hành vi quan hệ tình dục với chị Nguyễn Thị Thanh G sinh ngày 28/8/2002, mặc dù việc quan hệ tình dục hoàn toàn là sự đồng tình tự nguyện của hai người, nhưng thời điểm đó chị G đã trên 13 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi là đối tượng Nhà nước buộc phải bảo vệ, hậu quả làm chị G có thai, đến ngày 15/8/2018 chị G đã sinh một bé gái đặt tên là Nguyễn Đình Ánh T. Theo Kết luận giám định số 9112/C09-TT3 ngày 06/01/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an thì Nguyễn Đình Ánh T là con đẻ của Nguyễn Thị Thanh G và Đinh Phương A. Do vậy xác định chị G có thai là do chính hành vi giao cấu của bị cáo và khi có thai chị G vẫn ở độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe tình dục, danh dự, nhân phẩm và làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của bị hại. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn dục vọng của bản thân bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Giao cấu với trẻ em theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Cáo trạng số 12/CT-VKSAT ngày 26/5/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi truy tố bị cáo A về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử còn xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo để áp dụng hình phạt tương xứng.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và việc áp dụng hình phạt:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 02/02/2016, bị cáo bị Toà án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Cướp giật tài sản (tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý) chưa được xoá án tích, nay bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn, hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về các tội danh khác nhau, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo rất coi thường pháp luật nên xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Việc tổng hợp hình phạt: Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của bản án số 73/2022/HSST ngày 20/01/2022 của Toà án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 54 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy nên ở bản án này, Hội đồng xét xử sẽ tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo của cả hai bản án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị Thanh G không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, khoản 1 Điều 56 và Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Đinh Phương A phạm tội Giao cấu với trẻ em
2. *Về hình phạt:* Xử phạt bị cáo Đinh Phương A 06 năm tù, tổng hợp với hình phạt 54 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy của Bản án số 73/2022/HSST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 10 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2021.
3. *Về trách nhiệm dân sự:* Không xem xét, giải quyết
4. *Về án phí:* Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo
5. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Ân Thi;
- Cq điều tra CA huyện Ân Thi;
- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- Cq THAHS CA huyện Ân Thi;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thuỷ